

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2019/DS - PT

Ngày: 10 - 6 - 2019

V/v Tranh chấp thừa kế
quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phụng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đình Tiến

Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hol – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Phùng Bích Tuyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2019/TLPT - DS ngày 17 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2018/DS - ST ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 62/2019/QĐ - PT ngày 15 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M – sinh năm: 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị D – sinh năm: 1960 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Bà Nguyễn Thị L – sinh năm: 1935 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Hậu Giang

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Bà Nguyễn Thị D – sinh năm: 1960; Địa chỉ: ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Hậu Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 06/5/2019).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị T (vắng mặt).

3.2. Ông Nguyễn Văn M (vắng mặt).

3.3. Ông Nguyễn Văn H (vắng mặt).

3.4. Ông Nguyễn Văn S (vắng mặt).

3.5. Bà Lê Thị N (vắng mặt).

3.6. Anh Nguyễn Minh P (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Hậu Giang

3.7. Ông Nguyễn Văn T (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Khánh Hòa, xã A, huyện C, tỉnh Hậu Giang

3.8. Bà Nguyễn Thị U (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu vực P, phường T, quận R, thành phố Cần Thơ

3.9. Bà Nguyễn Thị G (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu vực Y, phường H, quận R, thành phố Cần Thơ

4. Người làm chứng:

Ông Nguyễn Quốc T (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp K, xã A, huyện C, tỉnh Hậu Giang

5. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn M.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn M trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ ông M là ông Nguyễn Văn H (chết năm 2013) và bà Nguyễn Thị L. Khi ông H còn sống thì ông H có cho ông M 01 nền nhà, nhưng không nói diện tích cụ thể, khi cho chỉ nói miệng, có cắm trụ cây giáp đất ông L bà T, tuy nhiên ông M chưa nhận đất để canh tác sử dụng. Phần đất tranh chấp ông H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà Nguyễn Thị D là chị ruột của ông M, sống chung với ông H và bà L nên quản lý sử dụng 01 căn nhà và toàn bộ phần đất của ông H đứng tên. Năm 2013 ông H chết, bà D vẫn sống với mẹ là bà L. Đến năm 2015 ông M mới biết bà D làm thủ tục đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất toàn bộ phần đất của ông H để lại với diện tích hơn 5.000m². Nên ông M có yêu cầu bà D và mẹ là bà L cắt chia thừa kế cho ông một nền nhà diện tích 350m² để ông cất nhà ở và làm ăn sinh sống, vì khi ông H còn sống cũng chưa cho ông tài sản gì nhưng bà L và bà D không đồng ý.

Nay ông M khởi kiện yêu cầu bà L và bà D chia di sản thừa kế của ông H cho ông, phần đất với diện tích qua đo đạc thực tế là 398,2 m² CLN.

Quá trình giải quyết vụ án và tại Tòa, đại diện bị đơn bà Nguyễn Thị D trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha – mẹ bà là ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị L, ông H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1997, do bà D sống chung để phụng dưỡng cha mẹ và ông H mất sức lao động, nên năm 2002 ông H đã ủy quyền cho bà D phần đất ông H đứng tên và bà D canh tác ổn định đến nay. Năm 2011 bà D đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất tranh chấp bà D đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2011, còn ông H (cha bà D) mất năm 2013, nên phần đất không phải là di sản thừa kế của ông H. Do đó bà D không đồng ý theo yêu cầu của ông M.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị G, bà Nguyễn Thị U, ông Nguyễn Văn Mum và ông Nguyễn Văn T thống nhất trình bày: Ngày 16/04/2002 cha là ông Nguyễn Văn H có họp gia đình và nói nhà cửa và đất đai của ông H và bà L sẽ ủy quyền toàn bộ cho bà D, để bà D nuôi ông H, bà L, đến khi ông H và bà L mất thì bà D sẽ có trách nhiệm thờ cúng và hưởng toàn bộ tài sản, không ai được tranh chấp tài sản với bà D. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông M là không có căn cứ. Riêng bà T, ông H, bà G, bà U, ông M và ông T thì không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn S trình bày: ông S có biết việc ông H (cha ông S) khi còn sống có để lại cho ông M 01 nền nhà nhưng không biết diện tích bao nhiêu. Do đó yêu cầu khởi kiện của ông M là phù hợp. Riêng ông S thì không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị N và anh Nguyễn Minh P theo bản tự khai (bút lục 212, 213) thống nhất trình bày: Tại phần đất tranh chấp giữa ông M với bà L và bà D thì bà N và anh P có căn nhà và một số hoa màu, hiện tại bà N và anh P đang ở trên đất. Tuy nhiên trong vụ án tranh chấp giữa ông M với bà L và bà D, bà N và anh P không có yêu cầu gì. Bà N và anh P sẽ tự thỏa thuận với bà D.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2018/DS - ST ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M về việc

yêu cầu bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị D trả lại phần đất 398,2m² đất CLN.

Công nhận phần đất tranh chấp có diện tích 398,2m², tại thửa 1269 (thửa mới 1295), tờ bản đồ số 03, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00275 cấp ngày 26/4/2011 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị D là của bà Nguyễn Thị D.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí; chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 29/11/2018 ông Nguyễn Văn M kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2018/DS - ST ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Nội dung kháng cáo: Yêu cầu xem xét lại toàn bộ vụ án và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn bà Nguyễn Thị D cắt chia cho nguyên đơn Nguyễn Văn M diện tích đất theo mảnh trích đo địa chính số: 40/TTKTTN&MT tỉnh Hậu Giang ngày 27 tháng 5 năm 2019 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang. Áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện (ngày 23 tháng 11 năm 2016) của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M, yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị L chia di sản thừa kế của cha nguyên đơn và bị đơn bằng một nền đất có diện tích 350m². Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Tranh chấp quyền sử dụng đất và tranh chấp di sản thừa kế” là chưa đúng với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại quan hệ tranh chấp là

“Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất” theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa phúc thẩm những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử vắng mặt. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai gồm: ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Minh P, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị U, và bà Nguyễn Thị G. Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt.

Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M, còn thời hạn theo quy định tại các điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, để xem xét.

[2] Yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Theo đơn khởi kiện, ông Nguyễn Văn M yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị L chia cho ông nền đất có diện tích đo đạc thực tế 398,2 m², để ông cất nhà làm ăn, sinh sống.

Xét thấy, diện tích đất ông M yêu cầu chia có nguồn gốc của hộ ông Nguyễn Văn H là cha ruột của ông M và bà D. Năm 1997 hộ của ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông M lập gia đình và rời khỏi gia đình, không trực tiếp canh tác đất từ khoảng năm 1993 cho đến nay. Bà D sống chung với ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị L, đến năm 2011 do ông H tuổi cao hết sức lao động, nên ông H đã chuyển quyền sử dụng đất cho bà D đứng tên quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích 5.722,8m², tại thửa 1269 (số thửa mới 1295), tờ bản đồ số 03, đất tọa lạc tại ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Việc bà D được ông H chuyển quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện C xác nhận là đúng với trình tự thủ tục (Công văn số 946 ngày 24 tháng 10 năm 2016). Thời điểm ông H chuyển tên quyền sử dụng đất cho bà D là vào năm 2011. Tại thời điểm này, các người con của ông H và bà L là thành viên trong hộ gia đình khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không ai phản đối (Các bút lục 200, 202, 204, 206, 208, 210, 211). Đến năm 2013, ông H chết, ông H không để lại di sản

thừa kế. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông M cho rằng khi còn sống khoảng tháng 4 năm 2013, ông H hứa cho ông một nền đất (tại mặt tiền lộ Cái Chanh). Xét thấy, lời trình bày của ông Nguyễn Văn M là không có căn cứ. Tại thời điểm 2013, ông H không còn quyền định đoạt đối với quyền sử dụng đất nữa. Ông M khởi kiện yêu cầu bà D chia di sản thừa kế của ông H là không có cơ sở để xem xét.

Mặt khác, ông M đã rời khỏi hộ gia đình, không trực tiếp canh tác phần đất của hộ gia đình, không có công đóng góp cải tạo, gìn giữ đất. Đối với cha mẹ của ông là ông H và bà L, ông không trực tiếp chăm sóc, phụng dưỡng. Bà D là người trực tiếp phụng dưỡng ông H và bà L, trực tiếp canh tác, cải tạo, giữ gìn đất gốc của hộ gia đình. Bà D đã được Ủy ban nhân dân huyện C công nhận quyền sử dụng đất. Theo quy định tại Điều 26 Luật đất đai, bà là người sử dụng đất được Nhà nước bảo hộ quyền sử dụng đất. Do đó, kháng cáo của ông Nguyễn Văn M yêu cầu bà Nguyễn Thị D chia di sản thừa kế của ông H, không có cơ sở, không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị D tự nguyện chia cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn M diện tích khoảng 200m², loại đất trồng cây lâu năm, tại thửa 1295, tờ bản đồ số 03, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH00275 ngày 26 tháng 4 năm 2011. Tuy nhiên, ông M không đồng ý nhận vị trí đất do bà D cắt chia cho ông, ông yêu cầu bà D chia cho ông phần đất ở vị trí mặt tiền đường lộ Cái Chanh. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, nguyên đơn ông Nguyễn Văn M khởi kiện yêu cầu bị đơn chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của ông H. Nhưng phần đất ông yêu cầu chia thuộc quyền sử dụng của bà D, ông không có chứng cứ nào chứng minh quyền sử dụng đất của bà D là di sản thừa kế của ông H để lại. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông M là có căn cứ. Sự tự nguyện của bị đơn Nguyễn Thị D, đồng ý cắt chia cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn M diện tích 269.3m² (theo mảnh trích đo địa chính số 40/TTKTTN&MT, ngày 27 tháng 5 năm 2019, của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên Môi trường tỉnh Hậu Giang) không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận.

[6] Nhận định của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm và chi phí thẩm định, đo đạc và định giá tài sản: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn M phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 26 Luật đất đai;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn Nguyễn Thị D. Sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1/. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M đối với bị đơn bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị L. Về việc ông yêu cầu bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị L chia thừa kế quyền sử dụng đất cho ông một nền đất có diện tích 398,2m² đất trồng cây lâu năm (mặt tiền giáp lộ Cái Chanh), tại thửa số 1295, tờ bản đồ số 03, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH00275, ngày 26 tháng 4 năm 2011 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị D.

2/. Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn bà Nguyễn Thị D về việc bà đồng ý cắt chia cho nguyên đơn Nguyễn Văn M diện tích 269,3m², loại đất cây lâu năm, tại thửa số 1295, tờ bản đồ số 03, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH00275, ngày 26 tháng 4 năm 2011 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị D. Phần đất có tứ cận như sau:

- Cạnh dài 59,50m giáp với thửa số 1293 của ông Tăng Văn M;
- Cạnh dài 30m giáp với thửa 1295 của bà Nguyễn Thị D;
- Ngang sau rộng 7.03m giáp với thửa 1023 của ông Huỳnh Văn Bé Hai;
- Ngang trước: đoạn 5,02m giáp với thửa 1295 của bà Nguyễn Thị D; đoạn 2.01m giáp với lộ xi măng

(Có kèm theo mảnh trích đo địa chính).

3/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn Nguyễn Văn M phải chịu 2.986.000 đồng (hai triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn đồng), khấu trừ số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí ông Nguyễn Văn M đã nộp theo biên lai thu số 0005006, ngày 05 tháng 01 năm 2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Ông Nguyễn Văn M còn phải nộp tiếp số tiền 486.000 đồng (bốn trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

4/. Về án phí phúc thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển số tiền tạm ứng 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) ông Nguyễn Văn M đã nộp theo biên lai thu số 0017865, ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

5. Về chi phí thẩm định, đo đạc: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn M phải chịu 5.747.454 đồng (năm triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn bốn trăm năm mươi bốn đồng). Ông Nguyễn Văn M đã nộp số tiền 3.783.280 đồng (ba triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn hai trăm tám mươi đồng). Buộc ông Nguyễn Văn M phải nộp thêm 1.964.174 đồng (một triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn một trăm bảy mươi bốn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C để giao cho bà Nguyễn Thị D.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 10/6/2019.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND H. C;
- Chi cục THADS H. C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Phụng

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Phụng